

# Các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư phát triển cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo cho các trường đại học công lập ở Việt Nam

TRẦN ANH TRƯỜNG\*

## Tóm tắt

*Nghiên cứu được thực hiện nhằm xây dựng mô hình lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư phát triển cơ sở vật chất (CSVC) và thiết bị đào tạo (TBĐT) cho các trường đại học công lập (ĐHCL) ở Việt Nam. Mô hình lý thuyết do tác giả đề xuất gồm: (1) Khung pháp lý và cơ chế, chính sách của Nhà nước; (2) Sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng đổi mới giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới; (3) Xu hướng tự chủ hóa giáo dục đại học; (4) Các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật; (5) Nguồn nhân lực quản lý CSVC và TBĐT. Nghiên cứu cũng tổng hợp, phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** đầu tư, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, đại học công lập, tự chủ, giáo dục đại học, nhân tố ảnh hưởng, Việt Nam

## Summary

*The study was conducted to propose a theoretical model of factors affecting investment in training facilities and equipment for Vietnam-based public universities. The aforementioned model includes (1) Legal framework, mechanism and policies of the State; (2) The development of science, technology and the trend of higher education innovation in the region and in the world; (3) The trend in the autonomy of higher education; (4) Economic and technical standards and norms; (5) Human resources in managing facilities and equipment. The study also synthesizes, analyzes and assesses determinants of investment in training facilities and equipment for public universities in Vietnam.*

**Keywords:** investment, facilities, training equipment, public universities, autonomy, higher education, influencing factors, Vietnam

## GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ và hội nhập quốc tế, đầu tư cho giáo dục đại học là vấn đề đang nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà quản lý và dư luận xã hội. Trên thực tế, một tỷ trọng rất lớn trong tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục được sử dụng để chi thường xuyên, thì nhiệm vụ đầu tư phát triển CSVC và TBĐT là một thách thức lớn đối với các trường ĐHCL và cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, việc xác định các nhân tố ảnh hưởng tới

đầu tư phát triển CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL có ý nghĩa quan trọng, làm căn cứ để xuất các chính sách và giải pháp kịp thời, phù hợp.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

**CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL**  
**Khái niệm**

Có nhiều khái niệm về CSVC và TBĐT dựa trên những cách tiếp cận khác nhau, song đều có một số điểm chung nhất định. Tựu trung lại, có thể hiểu

\*ThS., Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày nhận bài: 07/10/2019; Ngày phản biện: 20/10/2019; Ngày duyệt đăng: 24/10/2019

CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL là những phương tiện vật chất, kỹ thuật, khoa học công nghệ của nhà trường được sử dụng trong quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như những hoạt động khác thuộc chức năng nhiệm vụ của nhà trường, giúp cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ này được thuận lợi hơn và đạt hiệu quả cao hơn (Đặng Thị Minh Hiền, 2018).

Có thể phân loại căn cứ vào tính chất của CSVC và TBĐT như sau:

+ Diện tích đất đai, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thông tin liên lạc, chiếu sáng, cung cấp năng lượng, cấp thoát nước, quản lý chất thải, hạ tầng công nghệ thông tin...);

+ Các khối nhà, công trình (hội trường, giảng đường, phòng hội thảo, phòng họp, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, xưởng/trại/trạm thực hành, thực nghiệm, thư viện...);

+ Diện tích mặt bằng, công trình tiện ích khác (sân chơi, bãi tập, sân vận động, bệnh viện, ký túc xá, nhà ăn...);

+ Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (bàn ghế, bảng, thư viện truyền thông, thư viện điện tử, máy tính, máy chiếu, phần mềm, dụng cụ, thiết bị thí nghiệm... và các trang thiết bị khác).

#### **Đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL**

Đầu tư phát triển giáo dục đại học có thể hiểu là quá trình sử dụng các nguồn lực (tài chính, CSVC và TBĐT, nhân lực, tri tuệ, khoa học công nghệ...) trong một khoảng thời gian nhất định để đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

Đầu tư phát triển CSVC và TBĐT là một bộ phận của đầu tư phát triển giáo dục đại học. Nếu coi trường ĐHCL như một cơ sở cung ứng dịch vụ công, thì đầu tư phát triển CSVC và TBĐT là việc sử dụng các nguồn lực (vốn, con người, trí tuệ, khoa học công nghệ, tài nguyên...) trong một khoảng thời gian nhất định nhằm mục tiêu cung cấp và đáp ứng nhu cầu về CSVC và TBĐT để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác thuộc chức năng nhiệm vụ của trường ĐHCL; từ đó tạo tiền đề góp phần nâng cao hiệu quả của đầu tư phát triển giáo dục đại học.

#### **Các nguồn vốn cho đầu tư phát triển CSVC và TBĐT**

Các nguồn vốn đầu tư phát triển CSVC và TBĐT ở các trường ĐHCL bao gồm: (1) nguồn ngân sách nhà nước; (2) nguồn đầu tư tư nhân, đầu tư thông qua hình thức hợp tác công tư; (3) nguồn tự tạo của nhà trường; (4) nguồn trích từ học phí - lệ phí và các đóng góp khác của hộ gia đình, người học; (5) nguồn vốn vay, viện trợ, cho tặng, từ thiện.

#### **Lý thuyết các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL**

**Khung pháp lý và cơ chế, chính sách của Nhà nước**  
Đây là nhóm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và chất lượng đầu tư phát triển CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL. Khung pháp lý và cơ chế chính sách của Nhà nước về đầu tư CSVC và TBĐT cho các ĐHCL có thể chia thành các nhóm, đó là: Phương thức phân bổ ngân sách nhà nước; Chính sách học phí; Chính sách ưu đãi thuế, tín dụng; Chính sách về hợp tác công - tư (PPP); Chính sách khuyến khích tài trợ cho giáo dục đại học. Cụ thể như sau:

- Phương thức phân bổ ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển CSVC và TBĐT các trường ĐHCL được đánh giá là có hiệu quả khi đảm bảo các yêu cầu sau: Việc phân bổ dựa trên các tiêu chí rõ ràng: Tính đầy đủ, tính phù hợp, tính hiệu quả/tiết kiệm, tính hiệu lực/hiệu suất, tính bền vững, tính công khai, minh bạch và tính công bằng; Phân bổ dựa trên định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng dựa đủ căn cứ khoa học và thực tiễn; Phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, cào bằng; Phân bổ có mục tiêu rõ ràng, thông qua các chương trình, dự án đảm bảo tính kết nối sự phát triển của một trường ĐHCL với sự phát triển của giáo dục đại học nói chung; Phân bổ cho các trường ĐHCL có nguồn nhân lực có khả năng quản lý và vận hành nguồn ngân sách nhà nước đầu tư phát triển CSVC và TBĐT một cách hiệu quả (Bộ Tài chính, 2012).

- Chính sách học phí tác động đến cả việc đầu tư của Nhà nước và người học đối với đầu tư phát triển CSVC và TBĐT. Khi xây dựng chính sách học phí, chúng ta cần phải tính đủ chi phí đào tạo (hay còn gọi là chi phí đơn vị hoặc suất đầu tư) cho 01 sinh viên theo từng ngành nghề đào tạo cụ thể. Với cách tiếp cận này, chi phí đầu tư phát triển CSVC và TBĐT được tính đầy đủ, dù là đầu tư từ ngân sách nhà nước hay từ đóng góp của người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009).

- Chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho phép các trường ĐHCL có thể được vay vốn của Nhà nước để đầu tư phát triển CSVC và TBĐT. Cùng với chính sách tín dụng, chính sách ưu đãi thuế thu nhập cũng tạo động lực mạnh mẽ giúp các trường ĐHCL tăng cường các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dựa trên nền tảng là các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nhằm tạo nguồn thu để đầu tư lại cho phát triển CSVC và TBĐT.

- Xuất phát từ nguyên nhân là nguồn ngân sách nhà nước hạn hẹp, không tăng kịp với sự tăng trưởng nhanh về quy mô và yêu cầu chất lượng giáo dục đại học ngày càng cao, thì PPP trong đầu tư phát triển CSVC và TBĐT các trường ĐHCL trở thành một giải pháp phù hợp và hiệu quả (Đặng Thị Minh Hiền, 2018).

#### **Sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng đổi mới giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới**

Sự phát triển rất nhanh của khoa học, công nghệ và xu hướng đổi mới giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới đang là nhân tố có tác động mạnh mẽ đến đầu tư phát triển CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL, được thể hiện cụ thể như sau:

- Với xu thế đổi mới và hội nhập, nhà trường có thể phải loại bỏ một số ngành nghề đào tạo đã lạc hậu, đồng thời phải mở thêm các ngành nghề mới, ngay cả với ngành nghề đào tạo hiện có cũng cần có sự điều chỉnh từ chương trình đến công nghệ đào tạo. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu đầu tư và sử dụng hệ thống CSVC và TBĐT của nhà trường. Nếu không nhạy bén, có điều chỉnh và thay đổi kịp thời, nhà trường sẽ phải đối mặt với sự lãng phí trong đầu tư phát triển CSVC và TBĐT.

- Khoa học, công nghệ phát triển làm xuất hiện những phương thức học tập, đào tạo mới, hiện đại, trong đó có những phương thức làm xóa nhòa không gian và khoảng cách giữa thầy, cô và sinh viên, từ đó tiết kiệm chi phí đầu tư vào CSVC và TBĐT của nhà trường, đồng thời tận dụng được các thiết bị phục vụ đào tạo thuộc sở hữu riêng của thầy, cô và sinh viên.

- Sự phát triển của khoa học, công nghệ cũng có thể tạo ra cơ hội để các trường ĐHCL có thể tiết kiệm chi phí đầu tư phát triển CSVC và TBĐT thông qua việc sử dụng các mô hình, thí nghiệm ảo, cơ hội liên kết giữa các trường ĐHCL trong việc sử dụng, chia sẻ chung những hệ thống CSVC và TBĐT. Xây dựng hệ thống thư viện điện tử dùng chung cho các trường ĐHCL là một hình thức đầu tư hiệu quả, tiết kiệm cho cả ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư của các trường ĐHCL trong bối cảnh của sự phát triển khoa học, công nghệ.

#### **Xu hướng tự chủ hóa giáo dục đại học**

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, lộ trình đặt ra là: "Đến năm 2018: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý" và "Đến năm 2020: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định" trong giá thành dịch vụ.

Xu hướng tự chủ giáo dục đại học là nhân tố tác động trực tiếp tới đầu tư phát triển CSVC và TBĐT các trường ĐHCL, cụ thể như sau:

- Các trường ĐHCL phải chủ động tính toán, đảm bảo CSVC và TBĐT nhằm thực hiện mục tiêu "chuẩn hóa", dẫn tiến tới "hiện đại hóa" và "hội nhập quốc tế"; xây dựng chiến lược đầu tư và giải pháp khai thác, huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển CSVC và TBĐT. Tính toán trong việc tự chủ về nhân sự, học thuật và công tác đào tạo cũng ảnh

hưởng trực tiếp đến việc đầu tư phát triển CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL.

- Nhà nước đứng trước sức ép phải kịp thời hoàn thiện khung pháp lý, như: đổi mới phương thức phân bổ ngân sách nhà nước, chính sách học phí, chính sách ưu đãi thuế, tín dụng, chính sách về PPP, chính sách khuyến khích tài trợ... cho giáo dục đại học, cho phép các trường ĐHCL phát huy tối đa năng lực nội tại trong việc khai thác, huy động các nguồn lực ngoài học phí và ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển CSVC và TBĐT; xây dựng các quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức... để Nhà nước thực hiện tối vai trò quản lý, giám sát đối với công tác đầu tư CSVC và TBĐT ở các trường ĐHCL; phát triển các mô hình vận dụng lý thuyết "kinh tế chia sẻ" trong đầu tư CSVC và TBĐT ở các ĐHCL tự chủ trên cơ sở xây dựng những hạng mục CSVC và TBĐT có thể sở hữu và sử dụng chung giữa các trường nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cũng như của các trường ĐHCL.

#### **Các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật**

Tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật là nhân tố quan trọng, làm căn cứ khoa học và thực tiễn trong việc tính toán đầu tư CSVC và TBĐT, cụ thể như sau:

- Các trường ĐHCL sử dụng các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật để có căn cứ tính toán chi phí đơn vị/suất đầu tư trên một sinh viên, từ đó tính toán, xác định học phí cho từng ngành đào tạo theo các mức chất lượng khác nhau. Tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật cũng là căn cứ để các trường ĐHCL xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư phát triển CSVC và TBĐT của nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nhà nước sử dụng các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ phân bổ ngân sách nhà nước đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL, đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng và hiệu quả. Tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật cũng là căn cứ để nhà nước xây dựng chính sách học phí đối với các trường ĐHCL.

#### **Nguồn nhân lực quản lý CSVC và TBĐT**

Nguồn nhân lực làm công tác quản lý CSVC và TBĐT trong các trường ĐHCL và ở các cơ quan quản lý nhà nước liên quan có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến kết quả và hiệu quả của công tác đầu tư phát triển

CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL, thông qua việc thực hiện các công việc liên quan, như: tính toán, lập kế hoạch, thẩm định, tổ chức xây dựng, đầu tư, mua sắm, quản lý, bảo quản và sử dụng hệ thống CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL. Các yêu cầu để có nguồn nhân lực tốt là: được đào tạo đúng chuyên ngành (chuyên môn phù hợp), làm việc chuyên trách, thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, được phân giao quyền và trách nhiệm rõ ràng.

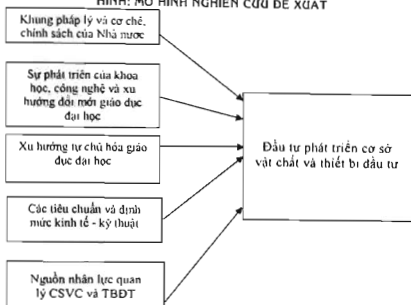
## ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp các lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL ở Việt Nam, kết hợp với các phương pháp thảo luận nhóm, tác giả đã phác họa mô hình lý thuyết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL ở Việt Nam (Hình) gồm 5 nhóm như sau: (1) Khung pháp lý và cơ chế, chính sách của Nhà nước; (2) Sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng đổi mới giáo dục đại học; (3) Xu hướng tự chủ hóa giáo dục đại học; (4) Các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật; (5) Nguồn nhân lực quản lý CSVC và TBĐT.

## KẾT LUẬN

Dựa trên các khái niệm, phân loại, các nhân tố cấu thành đầu tư phát triển CSVC và TBĐT và những phân tích trên đây cho thấy, có nhiều nhân tố khác nhau,

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguyễn Đức Xuân và cộng sự

từ phía quản lý nhà nước, từ phía các trường ĐHCL và các nhân tố khách quan bên ngoài khác ảnh hưởng tới đầu tư CSVC và TBĐT của các trường ĐHCL, có thể phân chia thành 5 nhóm: (1) Khung pháp lý và cơ chế, chính sách của Nhà nước; (2) Sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng đổi mới giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới; (3) Xu hướng tự chủ hóa giáo dục đại học; (4) Các tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật; (5) Nguồn nhân lực quản lý CSVC và TBĐT.

Trong bối cảnh khó khăn về nguồn lực đầu tư như hiện nay, nhất là trong bối cảnh tự chủ hóa giáo dục đại học và đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ và hội nhập quốc tế, các đề xuất giải pháp đổi mới đầu tư phát triển CSVC và TBĐT cho các trường ĐHCL dù là trong ngắn hạn hay dài hạn đều cần dựa trên những nghiên cứu khoa học và thực tiễn, cả về định tính và định lượng tác động của cả 05 nhóm nhân tố trên. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2016). *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). *Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009-2014*. Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). *Báo cáo đánh giá thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo các trường đại học, cao đẳng công lập*, Hà Nội
4. Bộ Tài chính (2012). *Tài liệu Kỹ yếu Hội thảo Đổi mới cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học*. Hà Nội
5. Đặng Thị Minh Hiền (2018). Hợp tác công tư - Giải pháp cho đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 11, tháng 11/2018, trang 22-26
6. Trần Anh Trường (2012). Đổi mới công tác đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo là yêu cầu cấp thiết thúc đẩy quá trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 178 (11), tháng 4/2012